

Số: /KH-UBND

Cẩm Bình, ngày tháng 12 năm 2023

**KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẨM BÌNH.**

**PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

Trong năm 2023, hoạt động Chuyển đổi số đã được các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức về Chuyển đổi số của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Việc chuyển đổi các hoạt động quản lý nhà nước từ phương thức truyền thống sang ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển từ văn bản giấy sang môi trường số được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu rất đáng trân trọng.

Hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số tiếp tục được phát triển, đáp ứng cơ bản nhu cầu Chuyển đổi số. Hạ tầng mạng viễn thông, Internet được phủ rộng khắp trên địa bàn xã.

Dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng hiệu quả, sâu rộng, cung cấp 250 dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình phục vụ các cá nhân, tổ chức thực hiện các TTHC một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Việc phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia Chuyển đổi số. Thuế điện tử, hóa đơn điện tử được phổ cập. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt cao. Người dân tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Công tác phối hợp, tổ chức thực hiện hoạt động Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Hoạt động Chuyển đổi số đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã.

UBND xã Cẩm Bình báo cáo kết quả thực hiện chương trình chuyển đổi số năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024 về việc thực hiện chuyển đổi số như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2022 theo Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 272/KHUBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐUBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về

giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của Bộ chủ quản Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 15/02/2022 của UBND xã Cẩm Bình về việc chuyển đổi số trên địa bàn xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 18/11/2022 về Triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Việc tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được triển khai tại các Hội nghị, giao ban; hội nghị trực tuyến từ cấp tỉnh tới cấp xã.

Trong năm 2023 đã tham gia 6 hội nghị, hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì; 05 lớp chuyển đổi số do huyện chủ trì.

100% Tổ giúp việc xã, chuyên đồng số cộng đồng xã tham gia khóa bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và hướng dẫn người dân cùng tham gia.

Số tin, bài về chuyển đổi số đăng trên trang thông tin điện tử toàn xã gò: 268 tin bài (*Số liệu tính từ 01/01 đến 19/12/2023*)

Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã 82 tin bài. Đồng thời tiếp sóng các chương trình của đài huyện, PTTH tỉnh và Đài tiếng nói việt nam.

b) Tồn tại, hạn chế: Một số lãnh đạo, cán bộ vẫn còn xem nhẹ công tác chuyển đổi số, chưa quan tâm nhiều chương trình chuyển đổi số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Được sự quan tâm của xã Ủy, UBND, MTTT và các đoàn thể từ xã đến thôn, trên địa bàn xã đã có nhưng sang kiến bài học hay như:

Mô hình Camera an ninh được thực hiện tốt, hiện nay trên địa bàn xã đã lắp đặt, ra mắt được 47 mắt camera an ninh. Các camera được kết nối với Công an xã để thực hiện giám sát an toàn an ninh trật tự trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền về những sang kiến chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số

a) Các văn bản chỉ đạo:

Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 15/02/2022 của UBND xã Cẩm Bình về việc chuyển đổi số trên địa bàn xã đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 18/11/2022 về Triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 02/3/2023 Thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn xã Cẩm Bình năm 2023; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 08/3/2023 Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Cẩm Bình năm 2023; Kế hoạch

số 120/KH-UBND ngày 07/7/2023 Phát triển doanh nghiệp công nghệ số đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Cẩm Bình; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 18/10/2023 Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 24/10/2023 Phát triển hạ tầng số trên địa bàn xã Cẩm Bình giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 13/12/2023 Tổ chức chiến dịch ra quân cài đặt chữ ký số Mysign, Viettelpay thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã Cẩm Bình.

b) Kết quả đạt được:

Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã đã nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời đề xuất những giải pháp xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, cũng như các nhiệm vụ chuyển đổi số chung của xã. Thể hiện vai trò tiên phong của các thành viên Ban Chỉ đạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hỗ trợ dẫn dắt, kêu gọi sự đồng hành của tổ chức, doanh nghiệp, người dân, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia vào hoạt động chuyển đổi số, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2023.

c) Tồn tại, hạn chế: Các thành viên Ban chỉ đạo chủ yếu là kiêm nhiệm, khối lượng công việc ngày càng nhiều dẫn đến việc quan tâm, chỉ đạo các đơn vị trong thực hiện chuyển đổi số còn chậm.

3. Hạ tầng số.

a) Kết quả đạt được: Đến nay 100% các phòng, ban, các cán bộ công chức đều được kết nối mạng (LAN) và Internet.

Hạ tầng trang thiết bị CNTT đối với UBND xã gồm:

Tổng số máy tính hiện có: 30 máy Tổng số máy in là: 26 máy.

Tổng số máy scam: 6 máy.

Năm 2020 thực hiện xây dựng triển khai đưa vào sử dụng phòng họp không giấy.

Hệ thống phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã cơ bản ổn định, có đủ cơ sở vật chất phục vụ nhân dân.

Mạng cáp quang băng thông rộng đã được triển khai rộng khắp đến 100% các thôn trên địa bàn xã.

Hạ tầng mạng thông tin di động được phủ sóng đến 100%. Việc triển khai diện rộng các trạm BTS công nghệ băng rộng di động 3G, 4G tới 100% dân cư đã đảm bảo mức độ sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet chất lượng cao của các doanh nghiệp, nhân dân trên toàn xã. Hiện tại toàn xã có 8 trạm BTS của 3 đơn vị Vinaphone, mobiphone, Viettel.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT trên địa bàn xã được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng việc ứng dụng CNTT, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã; đảm bảo cung cấp dịch vụ, phục

vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Tính đến nay tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức xã được trang bị máy tính làm việc là 100% máy tính/cán bộ.

100% các cán bộ, công chức được sử dụng mạng LAN nội bộ và kết nối mạng Internet tốc độ cao phục vụ công tác.

Hệ thống Hội nghị truyền hình đang phát huy hiệu quả, tạo môi trường hội họp hiện đại, thuận tiện, tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, đảm bảo triển khai các cuộc họp nhanh chóng, nhất là trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống dịch bệnh, bão lụt, thiên tai....

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng CNTT chưa được đầu tư đồng bộ. Hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo mật, về cấp độ theo quy định.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

b) Hiện nay, việc triển khai các ứng dụng CNTT tại các ngành, đơn vị trong xã đã có nhiều chuyển biến tích cực; ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung, các ngành, đơn vị còn triển khai các ứng dụng chuyên ngành, xây dựng hệ thống dữ liệu riêng nhằm phục vụ công tác quản lý.

Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Triển khai sử dụng thống nhất các phần mềm quản lý trường học Vnedu, Smas, Misa; Sổ liên lạc điện tử.. 100% các trường trong xã đã ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt vào việc đóng học phí và các khoản đóng góp của học sinh.

Lĩnh vực Y tế: Đã triển khai các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực Y tế; chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở y tế với hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội để chi trả chế độ theo quy định. 100% người dân trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.

Lĩnh vực Tư pháp: Cập nhật CSDL lý lịch tư pháp và phần mềm quản lý hộ tịch đến cấp xã; phần mềm quản lý hồ sơ công chứng; phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính; hệ thống phổ biến giáo dục pháp luật xã.

Lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội: Cập nhật CSDL hộ nghèo, cận nghèo và bảo trợ xã hội; CSDL thông tin về hồ sơ người có công; CSDL tài chính trợ cấp ưu đãi người có công...

Lĩnh vực BHXH: Đưa các phần mềm quản lý BHXH, BHYT vào sử dụng.

c) Tồn tại, hạn chế: ứng dụng các phần mềm còn lúng túng trong thực hiện trên các ứng dụng phần mềm

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được: Duy trì hoạt động hiệu quả các phần mềm dùng chung của Tỉnh như: Phần mềm Quản lý văn bản & Hồ sơ công việc, Theo dõi nhiệm vụ, Thư điện tử công vụ, Một cửa điện tử.

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (phần mềm dùng chung): 100% văn bản được thực hiện trên môi trường mạng, trao đổi giữa UBND cấp huyện và UBND Xã đều thực hiện ký số, Các chuyên môn đều kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia để gửi, nhận văn bản. Duy trì cập nhật, bổ sung đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã và đăng tải đầy đủ các lĩnh vực hoạt động, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND trên trang thông tin điện tử xã.

UBND xã có 01 trang thông tin điện tử được nâng cấp, thường xuyên được đổi mới về nội dung, giao diện, hoạt động ổn định, cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

b) Tồn tại, hạn chế: các nền tảng chưa được sử dụng hết các ứng dụng trên phần mềm.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được: UBND có 01 công chức Văn hóa phụ trách kiêm nhiệm việc triển khai ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan, thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng đối với 11/11 trên địa bàn xã.

Trong năm 2023, tổ chức 03 buổi tập huấn cho các thành viên BCD chuyên đổi số, cán bộ, công chức UBND xã, cán bộ thôn, tổ công nghệ số cộng đồng .

Tham gia các lớp tập huấn do huyện và tỉnh chủ trì.

Tồn tại, hạn chế: Công chức Văn hóa kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin nên nhiều khi chưa cập nhật kịp các ứng dụng phần mềm khi triển khai thực hiện.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được: Triển khai thực hiện các văn bản của tỉnh, sở Thông tin và Truyền thông, của huyện và các đơn vị liên quan về bảo đảm an toàn thông tin mạng; trong năm.

Hiện nay trên địa bàn xã đã được Sở Thông tin và Truyền thông ra quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng được tăng cường và triển khai đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Công dịch công tỉnh; hệ thống một cửa điện tử cấp xã; hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office).

b) Tồn tại, hạn chế: Thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng; các hệ thống thông tin còn tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển CNTT.

Chưa có một hệ thống hoàn chỉnh trong việc giám sát, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công trên diện rộng vào các hệ thống thông tin trên địa bàn xã.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Về cấp chứng thư số cá nhân cho người có thẩm quyền ký văn bản. 100% các đồng chí lãnh đạo, người có thẩm quyền ký văn bản của UBND xã đã được cấp chứng thư số.

100% cán bộ các xã đã được cấp hộp thư công vụ cá nhân.

100% cán bộ công chức xã được cấp thiết bị ký số cá nhân thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu.

100% các đồng chí Lãnh đạo các trường học trên địa bàn xã, người có thẩm quyền ký văn bản đã được cấp chứng thư số.

Về thực hiện sử dụng Phần mềm QLVB & HSCV trên phần mềm TDOOffice.(số liệu tính đến ngày 20/12/2023)

100% các đơn vị đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

Tỷ lệ văn bản đi có ký số cơ quan trên văn bản điện tử đạt 100 % Tỷ lệ văn bản đi có ký số lãnh đạo trên văn bản điện tử đạt 100 % Kết quả xử lý, ký số văn bản điện tử trên môi trường mạng.

Tổng số văn bản đến UBND: 2263 *văn bản*.

Tổng số văn bản UBND phát hành: 1952 *văn bản*. Năm 2020 thực hiện xây triển khai đưa vào sử dụng phòng họp không giấy tờ.

Hệ thống phòng họp trực tuyến được lắp đặt năm 2021 đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến 4 cấp

Đến 20/10/2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công DVC trực tuyến một phần là 420 hồ sơ; trực tuyến toàn trình là 291 hồ sơ; Số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận DVC trực tuyến: 711 hồ sơ.

Hệ thống Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh và phần mềm Một cửa điện tử hoạt động ổn định, hiệu quả, công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Trang thông tin điện tử của xã, các ứng dụng trên điện thoại thông minh thường xuyên cập nhật thông tin, từ đó giúp tăng cường công tác, chỉ đạo, điều hành và tương tác giữa chính quyền với người dân...

b) Tồn tại, hạn chế:

Về bố trí phòng một cửa chưa hợp lý, diện tích phòng hẹp chưa đảm bảo theo quy định.

Việc thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại các xã, thị trấn còn chưa đầy đủ, cập nhật quy trình các thủ tục mới còn chưa kịp thời. Thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử một số xã tỷ lệ còn thấp.

Việc tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ Buu chính công ích còn hạn chế, do công dân chưa quen với việc thực hiện gửi và nhận hồ sơ qua dịch vụ Buu chính. Vẫn còn có hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn.

Công chức làm công tác kiểm soát TTHC của các xã, thị trấn làm việc kiêm nhiệm, thực hiện nhiều nhiệm vụ, kiểm soát TTHC chưa được tập huấn chuyên sâu, ảnh hưởng đến kết quả kiểm soát TTHC của đơn vị.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chủ thể (Doanh nghiệp, HTX, THT, Chủ hộ sản xuất kinh doanh) tham gia Chương trình OCOP; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình OCOP và ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn.

Tính đến nay xã Cẩm Bình được công nhận 02 sản phẩm OCOP đạt 03 sao: gồm Miến dong Đồi Ao, Trà hoa hồng sấy lạnh Hồng Ecofarm. Các sản phẩm đều được đăng tải trên sàn thương mại điện tử Posmart và các trang mạng xã hội như Facebook, zalo, tiktok...

Tồn tại, hạn chế:

Các chủ thể HTX được công nhận OCOP chưa thực sự năng động, chủ động trong việc kết nối, tìm hướng đầu ra cho sản phẩm, chưa quảng bá sâu rộng sản phẩm của mình trên các phương tiện, truyền thông, quản cáo,...

- Cơ sở hạ tầng đầu tư cho sản xuất, chế biến chưa đạt yêu cầu đề ra.
- Các sản phẩm tiềm năng, sản phẩm lợi thế của địa phương không có nhiều, chủ yếu là các sản phẩm thô chưa qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

Việc thực hiện phát triển xã hội số, xã đã triển khai các phần mềm trong hệ sinh thái giáo dục thông minh như: phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và xã hội, có 4/4 trường (TH, THCS) sử dụng các dịch vụ trên;

Đến thời điểm hiện tại đã cấp được 8380 căn cước công dân gắn chip, và có 1728 tài khoản định danh điện tử mức độ 1 và 2648 tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đạt 52,21%, đảm bảo lộ trình thực hiện đề án số 06. Đã tạo lập 10.381 hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn xã đạt 100%. Có 47 mắt lắp tại UBND xã và các thôn để giám sát, hỗ trợ bảo đảm an ninh trật tự. Trên địa bàn xã có 11/11 thôn, lắp đặt wifi miễn phí tại các nhà văn hóa phục vụ người dân truy cập internet.

Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là: 2688/2696 hộ đạt 99,7 %

Số doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử trên địa bàn xã 9 doanh nghiệp, 76 cơ sở kinh doanh.

Số người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn là: 2420 tài khoản, các tài khoản ngân hàng khác 2239. Tổng 4659/5969 = 78%.

11. Đối với xã, thị trấn được giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số trong năm 2023:

Trong năm 2023, xã Cẩm Bình không nằm trong kế hoạch hoàn thành các tiêu chí xã chuyển đổi số của UBND tỉnh, tuy nhiên qua quá trình rà soát các tiêu chí chuyển đổi số của xã, UBND xã nhận thấy xã đã đạt các tiêu chí về chuyển đổi số năm 2023, và cũng tạo tiền đề cho xã về đích nông thôn mới nâng cao năm 2024, UBND đăng ký hoàn thành chuyển đổi số năm 2023.

Đến thời điểm hiện tại các chỉ tiêu đã hoàn thành theo hướng dẫn của Sở Thông tin & Truyền thông đều được thực hiện đảm bảo tiêu chí đề ra. Hiện đang thực hiện tạo lập hồ sơ đề nghị công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số.

12. Kinh phí thực hiện

Kinh phí dành cho các hoạt động chi thường xuyên về CNTT: 647.447.000đ (Trong đó Đài TT 600.000.000đ).

PHẦN II: NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Ng nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;

Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch hành động số 63- KH/HU ngày 14/04/2022 của UBND huyện Cẩm Thủy về thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã;

Kế hoạch số 26KH/UBND ngày 15/02/2022 về việc Chuyển đổi số đến năm

2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Cẩm Bình;

Căn cứ kế hoạch số 211/UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã Cẩm Bình; Căn cứ hướng dẫn của Công văn số 3245/UBND-VHTT ngày 15/12/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về V/v hướng dẫn, giao xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu tổng quát:

Chú trọng phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, dữ liệu tạo nền tảng phát triển Chính quyền số, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và an toàn dữ liệu trên địa bàn xã

Chuyển đổi số tổng thể và toàn diện từ cơ quan nhà nước, đến người dân, doanh nghiệp về phương thức sản xuất, đời sống sinh hoạt, cách thức lao động dựa trên công nghệ số.

Hoàn thành 10 mục tiêu trong các nhóm trụ cột chuyển đổi số xã Quan Sơn: Hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Chính quyền số:

- 100% cán bộ, công chức xã được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử.

- 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).

- Bảo đảm 100% hồ sơ TTHC tại UBND tiếp nhận xử lý được cập nhật, quản lý và giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- 70% hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.

- Có tối thiểu có một kênh giao tiếp với người dân thông qua tin nhắn SMS, các nhóm zalo, trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin, tình hình kinh tế xã hội, chỉ đạo của chính quyền, phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

- Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP.

2. Kinh tế số:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- 100% các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có lợi thế của

xã, sản phẩm OCOP được quảng bá qua mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...); hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kết nối, đưa hàng hóa, dịch vụ lên các sàn thương mại điện tử.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.

- Chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh: Hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh và người dân có ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh.

3. Xã hội số:

- Tối thiểu 70% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã được tập huấn, phổ biến về các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số trên môi trường mạng; ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực; quảng bá, bán sản phẩm trên mạng.

- 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác

- 70% người dân dung điện thoại thông minh.

- 100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Người dân được thông tin, tuyên truyền để bảo vệ an toàn trên môi trường mạng đặc biệt chặn lọc các nội dung xấu, độc hại.

4. Hạ tầng và nền tảng số:

- Phát triển hạ tầng và nền tảng số: Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, thông tin di động mạng 4G/5G được phủ đến 100% các hộ gia đình.

- Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã được kết nối vào đường truyền số liệu chuyên dùng; đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống; 100% CBCC có máy tính phục vụ công việc.

- Hoàn thành hệ thống Camera an ninh trên địa bàn xã.

- Hệ thống đài truyền thanh được ứng dụng viễn thông – công nghệ thông tin.

- Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đối với nhân dân như: tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, băng rôn khẩu hiệu, pano, áp phích, thông qua các Hội nghị, hội thảo để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

Đăng tải các tin bài trên Trang/cổng thông tin điện tử của xã .

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Phát động và đề xuất những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số” trên Zalo

100% cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn xã tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

2. Thể chế số

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy định; tập trung

vào xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2024 và chỉ đạo các ngành xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Phát triển hạ tầng số

- Tăng cường hoạt động họp trực tuyến của các cơ quan trên địa bàn.
- Trang bị máy tính cho 100% CBCC; đảm bảo 100% máy tính được kết mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; sử dụng chữ ký số; sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Phát triển dữ liệu

- Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các CSDL đã được Tỉnh, huyện đầu tư, xây dựng (*các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, dân số, tài chính, bảo hiểm...*).

5. Nền tảng số

Tập trung nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho cán bộ công chức xã; phục vụ kết nối mạng LAN, WAN; Kết nối mạng truyền dữ liệu chuyên dùng của xã với Huyện và cơ quan cấp trên.

6. Nhân lực số

Bảo đảm nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng, đào tạo, nâng cao nhận thức lãnh đạo; đào tạo kỹ năng số cho CBCC; phát triển ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- 100% số máy tính của đơn vị được cài đặt phần mềm diệt vi rút trong năm 2024.

- Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách an toàn thông tin.
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

8. Chính quyền số

Căn cứ vào những chỉ tiêu, nhiệm vụ cần thực hiện để đề ra các giải pháp, phương án thực hiện, đạt được các mục tiêu đã đề ra. Trong đó, bảo đảm khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn quy mô quốc gia, đồng thời bảo đảm sự kết nối giữa các hệ thống thông tin của bộ/tỉnh với các hệ thống này, bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

9. Phát triển kinh tế số

- Đẩy mạnh tuyên truyền doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân các kiến thức về chuyển đổi số, kinh tế số, từ đó nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.

- Các sản phẩm, dịch vụ lợi thế của xã được quảng bá, giới thiệu trên trên mạng internet, mạng xã hội như Facebook, Zalo...

- Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có sản phẩm lợi thế đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn xã sử dụng các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến. Đưa ứng dụng các nền tảng công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số trong quản lý,

sản xuất kinh doanh.

10. Phát triển xã hội số

- Đẩy mạnh công tác thông tin, phổ biến, đào tạo về các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số (y tế, giáo dục...) cho lao động trên địa bàn xã.

- Thúc đẩy phát triển hạn chế tối đa dùng tiền mặt để giao dịch. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức cơ quan xã.

- Tuyên truyền, vận động độ tuổi từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã mở tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Chỉ đạo đài truyền thanh xã tích cực viết tin bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã, tuyên truyền, phổ biến tại các hội nghị của thôn, sinh hoạt CLB về nội dung an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Thực hiện việc nhập hồ sơ sức khỏe điện tử người dân trên địa bàn xã đạt 100%.

11. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

- Tham gia các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT và cán bộ, công chức xã.

- Nêu cao tinh thần tự học, nghiên cứu, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin đối với mỗi một cán bộ, công chức trong cơ quan theo nhu cầu của Tỉnh, huyện.

IV. VỀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt thường xuyên chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số đến cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp để nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong tình hình mới.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các tổ chức xã hội trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với công tác chuyển đổi số của địa phương. Tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tham gia quá trình chuyển đổi số, tích cực ứng dụng thành quả của cuộc Cách mạng lần thứ tư phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh, gắn với nâng cao ý thức và kỹ năng tự bảo vệ dữ liệu, thông tin cá nhân trên môi trường số.

2. Tổ chức triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình chuyển đổi số của cấp trên về chiến lược phát triển chính quyền số, chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan Đảng, chính quyền.

Phối hợp với viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn xã. Tập trung nâng cấp mạng di động 4G; tích cực triển khai hạ tầng mạng di động 5G; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh để phục vụ quá trình chuyển đổi số.

3. Xây dựng chính quyền số

Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền số. Thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Nâng cấp, hoàn thiện trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ

thông phần mềm dùng chung, kho dữ liệu dùng chung. Khẩn trương số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền trên môi trường số.

Rà soát, cắt giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC trực tuyến. Xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp truy cập, khai thác, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

4. Phát triển kinh tế số

Nghiên cứu xây dựng chính sách phù hợp với điều kiện của xã để đầu tư, xây dựng, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng chuyển sang hoạt động trong môi trường số. Tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, có ứng dụng công nghệ số; hình thành cộng đồng doanh nghiệp số. Tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào địa bàn xã.

Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp và các mô hình kinh tế trên địa bàn xã triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người tiêu dùng.

5. Phát triển xã hội số

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số trong toàn xã. Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các dịch vụ giáo dục đại trà trực tuyến mở để phục vụ xã hội học tập. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân.

Khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương. Lựa chọn, thí điểm phát triển xã hội số tại một đơn vị thôn, trên cơ sở đó, đánh giá, rút kinh nghiệm để nhân rộng trên địa bàn.

6. Đảm bảo nguồn lực cho chuyển đổi số

Huy động, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn. Trong đó, vận động, huy động hiệu quả hơn nữa nguồn lực xã hội hóa thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chuyển đổi số.

Rà soát, củng cố, kiện toàn, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công để đáp ứng được yêu cầu tham mưu và triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

Huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn hóa – xã hội:

- Tham mưu cho UBND xã ban hành các văn bản kịp thời triển khai Chuyển đổi số năm 2024; chịu trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của các ban, ngành; tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ hoặc đột xuất về UBND xã, UBND huyện.

- Đăng tải kế hoạch và Bộ chỉ số chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của xã.

- Phối hợp với Văn phòng HĐND - UBND xã và các bộ phận, lĩnh vực chuyên môn có liên quan triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo theo Bộ chỉ số đánh huyện ban hành; xây dựng hệ thống các văn bản quy định, kế hoạch và các văn bản khác có liên quan đảm bảo môi trường pháp lý thực hiện phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước trên địa bàn toàn xã.

- Xây dựng kế hoạch, phương án và các hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số. Chịu trách nhiệm thực hiện và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ trong Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số.

- Hàng tuần thực hiện việc đăng tải các tin, bài, đăng tải ảnh, video các cuộc họp, chỉ đạo của lãnh đạo xã về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử tại chuyên mục “Chuyển đổi số”

2. Công chức Văn phòng:

- Phối hợp với Công chức Tư Pháp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong nội bộ UBND xã; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, số hóa kết quả giải quyết TTHC, tăng cường tiếp nhận, trả kết quả dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Chủ trì thực hiện và phối hợp với MTTQ, các đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã (chi tiết tại phục lục gửi kèm).

- Tổng hợp số lượng, Biên bản các hội nghị, hội thảo trực tiếp, trực tuyến liên quan đến các nhiệm vụ chuyển đổi số cung cấp cơ quan thường trực làm căn cứ chấm điểm chuyển đổi số của xã và báo cáo Chủ tịch UBND xã, UBND huyện.

- Phối hợp với Văn hoá đăng tải kế hoạch và Bộ chỉ số chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của xã.

- Tham mưu cho UBND xã các chính sách thu hút nguồn nhân lực đảm bảo phát triển CNTT, chuyển đổi số.

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã

3. Công chức Tư pháp hộ tịch:

Phối hợp với Công chức VPTK thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong nội bộ UBND xã; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, số hóa kết quả giải quyết TTHC, tăng cường tiếp nhận, trả kết quả dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4; tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Công chức KT - Tài chính:

- Phối hợp với công chức Văn hóa, công chức Văn phòng tham mưu cho UBND xã bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Tham mưu cho UBND xã bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực của các ban, ngành.

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp

5. Công chức Địa chính – xây dựng:

- Tham mưu cho UBND xã kế hoạch chuyển đổi số thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý và các nhiệm vụ chuyển đổi số do ngành chủ quản triển khai.

- Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã

6. Công chức địa chính - Nông nghiệp:

- Chịu trách nhiệm liên kết, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp theo Văn bản số 2685/BTTTT-QLDN ngày 21/7/2021 của Bộ TT&TT và văn bản số 11052/UBND-CNTT ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã

7. Các trường học đóng trên địa bàn xã:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học trực tuyến, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài liệu giảng dạy.

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp xã

8. Đài truyền thanh xã:

- Phối hợp với MTTQ, các đoàn thể, thực hiện chuyển đổi số để tuyên truyền, phổ biến các nội dung về chuyển đổi số đến toàn thể tầng lớp nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường phát thanh nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã.

9. Các ban, ngành UBND xã.

- Trên cơ sở các nền tảng ứng dụng CNTT đã được triển khai, ứng dụng tại ngành mình (hoặc các phần mềm do sở, ngành chủ quản triển khai) cung cấp thông tin về Công chức Văn hóa - xã hội để tổng hợp làm cơ sở báo cáo.

- Chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số chi tiết thuộc lĩnh vực, ngành quản lý; chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện các nội dung có liên quan trong Bộ chỉ số chuyển đổi số.

- Ứng dụng nền tảng kiểm tra thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

10. Công an xã.

- Phối hợp với công chức Văn hóa, công chức Văn phòng, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh mạng và các hành vi tấn công mạng gây ảnh hưởng đến chính quyền và đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

11. Các thôn trong xã:

- Căn cứ vào nội dung kế hoạch tuyên truyền triển khai thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số năm 2024 đến toàn thể nhân dân trên địa bàn thôn

12. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn

- Tăng cường công tác phối hợp tích cực với Bộ phận Văn phòng UBND xã để tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tại các đơn vị.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong đội ngũ cán bộ, nhân viên đơn vị mình để nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả giải quyết công việc chuyên môn.

- Chủ động tìm hiểu, tham gia sử dụng các dịch vụ mà chính quyền cung cấp trên môi trường số. Tìm hiểu, tích cực quảng bá sản phẩm, dịch vụ của mình cung cấp và thương hiệu chung của địa phương trên môi trường mạng.

- Tham gia đóng góp ý kiến trong suốt quá trình xây dựng đô thị thông minh giúp chính quyền hoàn thiện mô hình tốt hơn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2024 của UBND xã Cẩm Bình./.

Nơi nhận:

- Phòng VHHT huyện; (Đề B/c)
- TT Đảng ủy; (Đề B/c)
- HĐND - UBND; (Đề B/c)
- BCD chuyển đổi số xã; (t/h)
- Lưu VT, VHHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Liên